

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T1 trình bày yêu cầu:**

Năm 1995, bà T1 và ông T2 tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau, nay vợ chồng không

còn hợp nhau, đã ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T2.

- Về con chung: Có 05 người con chung, 02 người đã trưởng thành, còn 02 người tên Nguyễn Thanh B(nam), sinh năm 2005 và Nguyễn Bảo B1, sinh năm 2007. Khi ly hôn, bà T1 yêu cầu được nuôi cháu Bảo B1, giao cháu Thanh B cho ông T2 nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn – anh Nguyễn Văn T2 đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, nhưng ông T2 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà T1 xin ly hôn và nuôi con, ông T2 cũng không tham gia phiên họp và phiên hòa giải.

* Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị T1 bảo lưu yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T2, yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Bảo B1, về cấp dưỡng nuôi con trong đặt ra yêu cầu.

- Ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T1 đối với ông Nguyễn Văn T2; giao cháu Nguyễn Bảo B1 cho bà T1, giao cháu Nguyễn Thanh B cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng; không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và công nợ: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 được triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng ông T2 vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T2.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 1995, bà T1 và ông T2 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tại số 17/2009 ngày 16/02/2009, nên hôn nhân là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T1, sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay; thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau; nay bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T2 vì không còn tình cảm với nhau.

Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn T2 nhưng ông vắng mặt và không trình bày ý kiến về vấn đề hôn nhân với chị T1, chứng tỏ ông T2 không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, chị T1 và ông T2 đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay, hai bên không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn gia đình. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân tới mức trầm trọng không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T1 đối với ông Nguyễn Văn T2.

[2.2] Về con chung: Có 05 người con chung, 03 người đã trưởng thành, còn 02 người tên Nguyễn Thanh B– sinh năm 2005 và Nguyễn Bảo B1 – sinh năm 2007, khi ly hôn theo nguyện vọng 02 con, bà T1 đồng ý giao cháu Thanh B cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng, bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo B1.

Hội đồng xét xử nhận định: Cháu Nguyễn Thanh B– sinh năm 2005 và cháu Nguyễn Bảo B1 – sinh năm 2007, 02 cháu đã trên 07 tuổi và cháu Thanh B có nguyện vọng sống với ông T2, còn cháu Bảo B1 thì có nguyện vọng sống với bà T1, ông T2 không có ý kiến gì về việc yêu cầu được nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T1, giao cháu Nguyễn Thanh B cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng, bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo B1.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T1 đối với ông Nguyễn Văn T2 .

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh B– sinh năm 2005 cho ông Nguyễn Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Bảo B1 – sinh năm 2007 cho bà Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vấn đề cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005749 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, án phí sơ thẩm bà T1 đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Hoàng Tuấn